TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/**2025/HNGĐ-PT
Ngày: 28/03/2025
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Lanh
Các Thẩm phán: 1. Bà Phương Thảo
2. Bà Hoàng Lan Chi

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Minh Quang – Thư ký viên.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mạnh Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 31/2025/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 554/2024/HNGĐ-ST ngày 02/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2025/QĐ-PT ngày 13/03/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 19xx – Nơi thường trú: Thôn xx, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội. Nơi ở: Thôn T, xã Th, huyện M, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 19xx – Nơi thường trú: Thôn xx, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

1.1. Nguyên đơn chị Lê Thị Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày xx/xx/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng hiện đang sống ly thân. Nay chị Ng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Chị Ng xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày xx/xx/2018. Chị Ng trình bày là chị bị đuổi ra khỏi nhà và không được đưa đón thăm gặp con. Vì vậy, nguyện vọng của chị Ng là

xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị Ng đang làm tự do, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.2. Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị Ng tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày xx/xx/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn tình cảm, không có tiếng nói chung. Chị Ng xin ly hôn, anh N có lúc đồng ý ly hôn, có lúc không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày xx/xx/2018. Hiện tại, cháu H đang ở với anh N. Anh N trình bày là anh không cấm cản việc thăm gặp con của chị Ng. Nguyện vọng của anh N là xin được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh N đang làm công việc về lĩnh vực sơn hiệu ứng, thu nhập khoảng 10.000.000đ đến 14.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 554/2024/HNGĐ-ST ngày 02/12/2024, Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ đã căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ng được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Xác nhận chị Lê Thị Ng và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày xx/xx/2018.

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị H cho chị Lê Thị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn N đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Ng phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0061956 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

3. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn N kháng cáo Bản án sơ thẩm về phần nuôi con, anh N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị H.

4. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị H, không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị Ng đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N, đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về việc nuôi con, giao con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chị

Ng không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Anh N trình bày: Từ khi sinh ra cho đến thời điểm hiện tại, cháu H ở cùng anh và gia đình anh tại thôn xx, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội. Hiện cháu đang là học sinh lớp 1 Trường Tiểu học cách nhà khoảng 500m đến 700m. Hàng ngày, cháu có bà nội chăm sóc, đưa đón đi học, cuộc sống ổn định. Anh N làm công việc về lĩnh vực sơn hiệu ứng, thu nhập ổn định từ 10 đến 14 triệu đồng/tháng. Về điều kiện nuôi con, giao con chung cho anh nuôi sẽ đảm bảo cho sự phát triển của con chung tốt hơn chị Ng. Anh N giao nộp tài liệu, chứng cứ bảng thanh toán lương thể hiện thu nhập của anh, bản in các giao dịch chuyển khoản thể hiện việc anh đóng tiền học cho cháu H.

Chị Ng trình bày: Sau khi ly hôn, chị Ng sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Th, huyện M, Thành phố Hà Nội, cách nhà anh N hơn 10km. Về công việc, chị Ng làm nhân viên Công ty cổ phần cơ khí XY tại đường Thanh Lãm, Tổ 3, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, hợp đồng lao động không thời hạn có hiệu lực từ ngày 01/10/2024, lương 7.500.000đ/tháng; đi làm về có bán thêm quán nước và làm mi tại nhà; tổng thu nhập khoảng 12 triệu/tháng. Bố mẹ chị Ng còn khỏe, có thể hỗ trợ chị chăm sóc cháu H. Chị Ng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì cháu còn nhỏ, là con gái cần sự chăm sóc, bao bọc của người mẹ. Chị Ng giao nộp tài liệu, chứng cứ Đơn xin xác nhận công tác có nội dung về tiền lương hàng tháng của chị.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Người kháng cáo là bị đơn, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu trực tiếp nuôi con chung là nguyện vọng chính đáng của chị Ng, anh N. Cả hai anh, chị đều có điều kiện để nuôi con. Cháu H là con gái, còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh N, giữ nguyên Bản án số 554/2024/HNGĐ-ST ngày 02/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, chị Ng trình bày chị đi làm với khoảng cách từ nhà đến nơi làm việc hơn 10km, sau khi đi làm về thì đón con, đối với anh N đi đón con chung với quãng đường khoảng 500m đến 700m, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phân giao con chung cho ai nuôi để bảo đảm cho cả thời gian chăm sóc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn N đối với Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 554/2024/HNGĐ-ST ngày 02/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ được nộp trong thời hạn, nội dung đơn, người kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ

luật Tố tụng dân sự; người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm; nên kháng cáo là hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của anh N:

Anh N kháng cáo đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày xx/xx/2018.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 thì vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.

Sau khi ly hôn, anh N sống cùng mẹ đẻ trên nhà đất tại thôn xx, xã P, huyện M, Thành phố Hà Nội, nơi mà vợ chồng cùng chung sống trong thời kỳ hôn nhân, cháu H sống ở đây từ khi sinh ra cho đến nay. Thời điểm hiện tại, cháu H chưa đủ 7 tuổi, hiện đang là học sinh lớp 1 trường Tiểu học cách nhà khoảng 500m đến 700m, tình trạng sức khỏe, học tập tốt. Công việc của anh N ổn định thu nhập từ 10 đến 14 triệu đồng/tháng. Mẹ đẻ anh N sống cùng anh còn mạnh khỏe, có thời gian để trợ giúp anh trong việc chăm sóc, đưa đón cháu H đi học khi cần thiết. Trong khi chị Ng sau khi ly hôn về sống với bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Th, huyện M, Thành phố Hà Nội, cách nơi ở và trường học hiện tại của cháu H hơn 10km, chị Ng mới thay đổi công việc, cần có thời gian để ổn định.

Do đó, để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu H trong thời gian đầu bố mẹ ly hôn, giao cháu H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh N.

Anh N không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Tòa án không xem xét.

Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0061956 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Anh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh N số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0062078 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 554/2024/HNGĐ-ST ngày 02/12/2024 của Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Xác nhận chị Lê Thị Ng và anh Nguyễn Văn N có một con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày xx/xx/2018; tình trạng sức khỏe của con chung bình thường.

Giao con chung Nguyễn Thị H cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về nuôi con.

Anh N không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét.

Chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0061956 ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Anh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả anh N số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0062078 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Lanh